|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT CHUYÊN TỈNH LÀO CAI**  **ĐỀ THI ĐỀ XUẤT** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN KHU VỰC DH&ĐBBB NĂM 2023**  **MÔN: Địa lí**  **Ngày thi**: 15/07/2023  *Thời gian làm bài:* ***180*** *phút (không kể thời gian giao đề)*  *(Đề thi có 02 trang, gồm 07 câu*) |

**Câu 1 (3,0 điểm)**

a) Phân biệt hai vòng tuần hoàn của nước trên Trái Đất.

b) Phân tích vai trò của nước trong tự nhiên. Nguyên nhân nào làm cho nước trên Trái Đất luôn vận động?

**Câu 2 (2,0 điểm)**

a) Giải thích tại sao sản xuất nông nghiệp thường có tốc độ tăng trưởng thấp hơn sản xuất công nghiệp?

b) Chứng minh rằng biến đổi khí hậu toàn cầu có tác động lớn đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.

**Câu 3 (3,0 điểm)** *Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:*

a) Chứng minh rằng các giai đoạn địa chất có ảnh hưởng đến địa hình nước ta.

b) Sự phong phú và phức tạp của đá mẹ tác động như thế nào tới sự hình thành đất ở nước ta.

**Câu 4 (3,0 điểm)** *Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:*

a) Biến đổi khí hậu toàn cầu đã, đang tác động và làm thay đổi những thành phần tự nhiên nào ở nước ta?

b) Giải thích sự khác nhau về địa hình của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

**Câu 5 (3,0 điểm)** *Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:*

a) Trình bày và giải thích sự phân hóa trong phân bố dân cư của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

b) Tại sao ở nước ta quá trình đô thị hóa luôn theo sát quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa?

**Câu 6 (3,0 điểm)**

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học nhận xét và giải thích sự phân bố của ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

**Câu 7 (3,0 điểm)** Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY**

**CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2020**

*(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Cây lương thực**  **có hạt** | **Cây công nghiệp hằng năm** | **Cây công nghiệp lâu năm** | **Cây ăn quả** |
| **2005** | 13 287,0 | 8 383,5 | 861,5 | 1 633,6 | 767,4 |
| **2010** | 14 061,1 | 8 615,9 | 797,6 | 2 010,5 | 779,1 |
| **2015** | 14 945,3 | 9 008,8 | 676,8 | 2 154,5 | 824,2 |
| **2020** | 14 487,7 | 8 222,5 | 458,0 | 2 185,8 | 1 135,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2021 – NXB Thống kê)*

Nhận xét và giải thích về diện tích các loại cây trồng của nước ta, giai đoạn 2005 - 2020.

**---------------HẾT---------------**

*- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam, NXB Giáo dục, không được sử dụng tài liệu khác.*

*- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*

Họ và tên thí sinh ……………………………………Số báo danh………………...............

Giám thị coi thi số 1…………………………Giám thị coi thi số 2.......................................

Giáo viên ra đề: Hà Huy Hoàng

SĐT: 0974249818